BẢN VẼ QUY HOẠCH PHÂN LÔ CHI TẾT

TỶ LỆ : 1/500

Tên công trình : Điểm dân cư cửa Rào Nam và Hói Đen - Giai đoạn 1

Địa điểm : Xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Diện tích phân lô : 6327.5 m2 (Sáu ngàn ba trăm hai mươi bảy phẩy năm mét vuông)

(Kèm theo quyết định số .....QĐ-UBND ngày...../..../20.....của UBND huyện Quảng Điền)

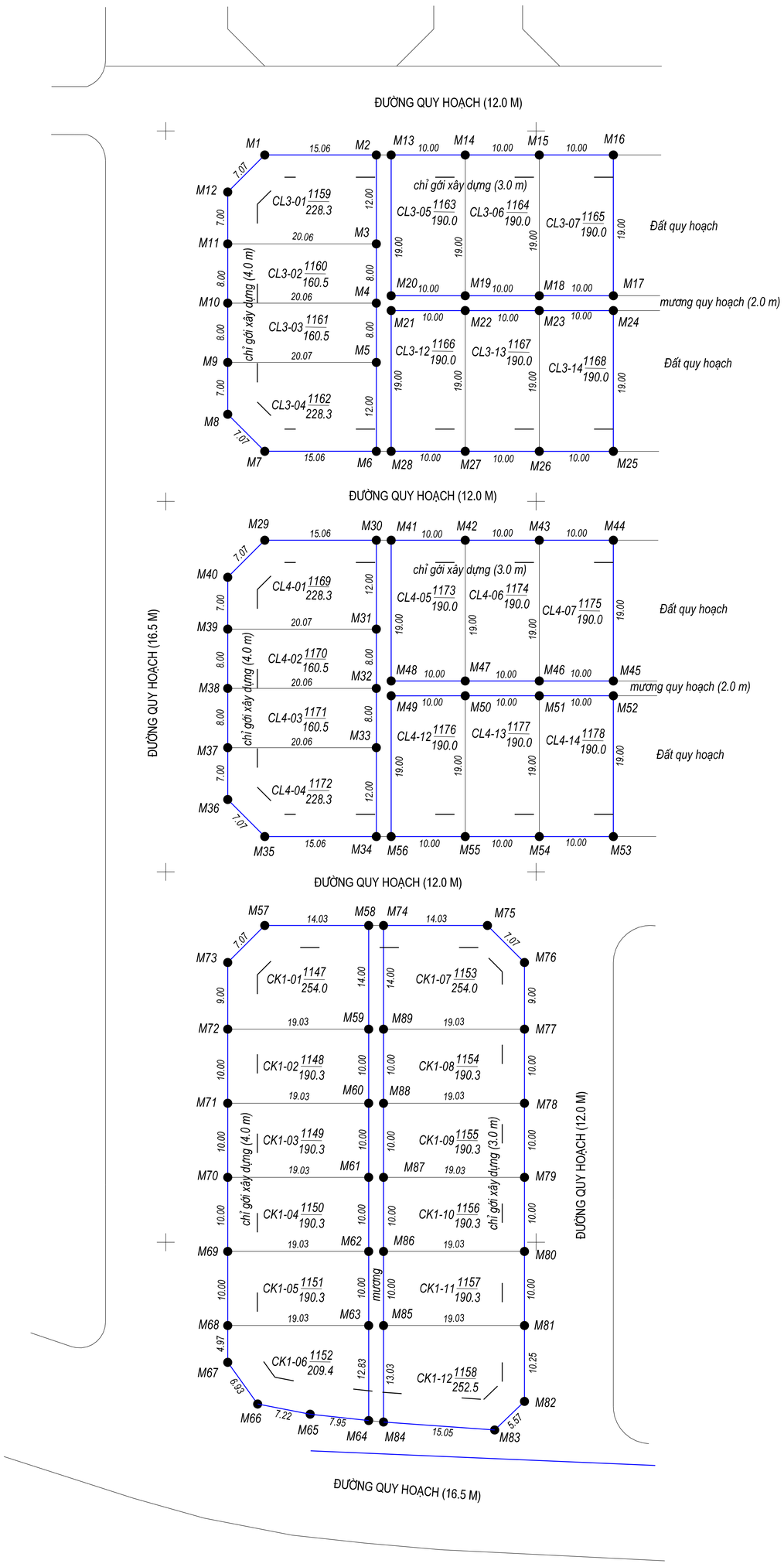

GHI CHÚ

- *Tổng diện tích phân lô : 6327.5 m2*
- *Tổng số lô : 32 lô*

CL3-01 1159/228.3 — Số lô / Số thửa / Diện tích

Ranh giới khu đất phân lô

Mốc ranh giới khu đất phân lô

- *Khu đất thuộc tờ BĐĐC số 19 xã Quảng Phước*

TỌA ĐỘ CÁC MỐC RANH GIỚI
HỆ TỌA ĐỘ VN-2000

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X(M)	TỌA ĐỘ Y(M)	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X(M)	TỌA ĐỘ Y(M)	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X(M)	TỌA ĐỘ Y(M)
M1	1832946.76	555913.37	M31	1832882.76	555928.43	M61	1832808.76	555927.40
M2	1832946.76	555928.43	M32	1832874.76	555928.43	M62	1832798.76	555927.40
M3	1832934.76	555928.43	M33	1832866.76	555928.43	M63	1832788.76	555927.40
M4	1832926.76	555928.43	M34	1832854.76	555928.43	M64	1832775.93	555927.40
M5	1832918.76	555928.43	M35	1832854.76	555913.37	M65	1832776.79	555919.50
M6	1832906.76	555928.43	M36	1832859.76	555908.37	M66	1832778.17	555912.41
M7	1832906.76	555913.37	M37	1832866.76	555908.37	M67	1832783.79	555908.37
M8	1832911.76	555908.37	M38	1832874.76	555908.37	M68	1832788.76	555908.37
M9	1832918.76	555908.37	M39	1832882.76	555908.37	M69	1832798.76	555908.37
M10	1832926.76	555908.37	M40	1832889.76	555908.37	M70	1832808.76	555908.37
M11	1832934.76	555908.37	M41	1832894.76	555930.43	M71	1832818.76	555908.37
M12	1832941.76	555908.37	M42	1832894.76	555940.43	M72	1832828.76	555908.37
M13	1832946.76	555930.43	M43	1832894.76	555950.43	M73	1832837.76	555908.37
M14	1832946.76	555940.43	M44	1832894.76	555960.43	M74	1832842.76	555929.40
M15	1832946.76	555950.43	M45	1832875.76	555960.43	M75	1832842.76	555943.43
M16	1832946.76	555960.43	M46	1832875.76	555950.43	M76	1832837.76	555948.43
M17	1832927.76	555960.43	M47	1832875.76	555940.43	M77	1832828.76	555948.43
M18	1832927.76	555950.43	M48	1832875.76	555930.43	M78	1832818.76	555948.43
M19	1832927.76	555940.43	M49	1832873.76	555930.43	M79	1832808.76	555948.43
M20	1832927.76	555930.43	M50	1832873.76	555940.43	M80	1832798.76	555948.43
M21	1832925.76	555930.43	M51	1832873.76	555950.43	M81	1832788.76	555948.43
M22	1832925.76	555940.43	M52	1832873.76	555960.43	M82	1832778.52	555948.43
M23	1832925.76	555950.43	M53	1832854.76	555960.43	M83	1832774.66	555944.41
M24	1832925.76	555960.43	M54	1832854.76	555950.43	M84	1832775.74	555929.40
M25	1832906.76	555960.43	M55	1832854.76	555940.43	M85	1832788.76	555929.40
M26	1832906.76	555950.43	M56	1832854.76	555930.43	M86	1832798.76	555929.40
M27	1832906.76	555940.43	M57	1832842.76	555913.37	M87	1832808.76	555929.40
M28	1832906.76	555930.43	M58	1832842.76	555927.40	M88	1832818.76	555929.40
M29	1832894.76	555913.37	M59	1832828.76	555927.40	M89	1832828.76	555929.40
M30	1832894.76	555928.43	M60	1832818.76	555927.40			

TRUNG TÂM KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG PHƯỚC	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. QUẢNG ĐIỀN	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN QUẢNG ĐIỀN	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN QUẢNG ĐIỀN	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
Ngày ..... /..... /2020	*Ngày ..... /..... /2020*	*Ngày ..... /..... /2020*	*Ngày ..... /..... /2020*	*Ngày ..... /..... /2020*	*Ngày ..... /..... /2020*	*Ngày ..... /..... /2020*
NGƯỜI ĐO	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG	TRƯỞNG PHÒNG	CHỦ TỊCH
Phan Đức Châu	*Phan Quốc Hùng*					